

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG
MẠI KIÊN
GIANG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
DN: C=VN, S=KIÊN GIANG, L=
Thành phố Rạch Giá, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN
GIANG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:1700523208
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.29 22:07:17+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2023.3.0

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/8/2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 27/08/2025 là 364.738.330.000 VND (Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KIEN GIANG TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: KTC

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch: KTC.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tung	Chủ tịch
Ông Đặng Hồng Toàn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy An	Thành viên
Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phùng Phương Quang	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Việt	Thành viên
Ông Đặng Văn Lành	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Tấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Trưởng ban
Ông Trần Công Tâm	Thành viên
Ông Trần Hữu Nghị	Thành viên
Ông Võ Chí Công	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Văn Lành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/4/2026)
Bà Võ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. *lmc*

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Văn Lành
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Số: 210/2026/BCSXHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang, được lập ngày 25/8/2026, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được soát xét/kiểm toán bởi các kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận/ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính hợp nhất này tại các ngày 26/8/2025 và ngày 16/3/2026.



Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

				01/01/2026 (Trình bày lại) VND
TÀI SẢN		MS	TM	30/06/2026 VND
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+160)	100		912.313.328.645
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	28.173.056.317
1.	Tiền	111		28.173.056.317
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	33.004.822.551
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		33.004.822.551
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.946.755.368
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	155.037.384.529
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	35.120.401.658
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	20.670.723.206
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(20.923.481.752)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	137		41.727.727
IV.	Hàng tồn kho	140	5.7	613.054.096.613
1.	Hàng tồn kho	141		613.054.096.613
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-
VI.	Tài sản ngắn hạn khác	160		48.134.597.796
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.11	5.081.577.558
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		41.012.522.572
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.15	2.040.497.666
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260+270)	200		390.278.158.663
II.	Tài sản cố định	220		245.349.537.403
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	142.468.056.571
-	Nguyên giá	222		553.101.605.877
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(410.633.549.306)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.10	102.881.480.832
-	Nguyên giá	228		114.063.467.913
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.181.987.081)
V.	Tài sản dở dang dài hạn	250		34.934.466.120
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	34.934.466.120
VI.	Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	93.951.422.711
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		91.598.637.827
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		11.855.996.567
3.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(9.503.211.683)
VII.	Tài sản dài hạn khác	270		16.042.732.429
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.11	16.042.732.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)		280		1.302.591.487.308
				1.432.993.597.565

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		858.101.955.662	1.006.841.314.589
I. Nợ ngắn hạn	310		857.631.955.662	1.006.371.314.589
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	27.613.374.977	66.427.269.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	54.656.761.498	71.940.908.393
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.15	5.724.509.219	2.789.359.070
4. Phải trả người lao động	315		33.074.364.322	27.859.457.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.16	6.736.314.815	6.032.978.713
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.18	724.636.364	838.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.17	34.850.175.351	31.163.857.989
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.12	686.768.840.834	798.790.029.845
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.482.978.282	528.953.943
II. Nợ dài hạn	330		470.000.000	470.000.000
1 Phải trả dài hạn khác	338	5.17	470.000.000	470.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	444.489.531.646	426.152.282.976
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364.738.330.000	364.738.330.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(17.664.421.690)	(17.664.421.690)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.050.933.647	22.549.207.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		71.819.328.547	56.042.373.390
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		32.101.789.959	20.034.316.544
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		39.717.538.588	36.008.056.846
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		545.361.142	486.793.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.302.591.487.308	1.432.993.597.565

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Kim Oanh



Trần Thị Cẩm Loan



Đặng Văn Lành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.085.684.497.343	2.959.621.643.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	175.769.943	1.434.257.842
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	4.085.508.727.400	2.958.187.385.857
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	3.881.824.074.580	2.837.703.034.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		203.684.652.820	120.484.351.638
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.5	5.688.533.751	14.467.748.412
8. Chi phí tài chính	23	6.6	28.615.427.674	24.778.679.605
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		26.959.275.856	16.963.799.626
9. Chi phí bán hàng	25	6.9	115.724.932.480	64.155.255.023
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.9	34.735.601.608	23.359.601.880
11. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	27	6.10	16.218.186.704	6.565.417.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)+27}	30		46.515.411.513	29.223.980.744
13. Thu nhập khác	31	6.7	674.221.267	275.786.803
14. Chi phí khác	32	6.8	91.855.022	1.464.539.970
15. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		582.366.245	(1.188.753.167)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		47.097.777.758	28.035.227.577
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.12	7.321.671.357	4.264.767.788
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		39.776.106.401	23.770.459.789
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39.717.538.588	23.729.307.652
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		58.567.813	41.152.137
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.13	1.089	542

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Huỳnh Kim Oanh

Trần Thị Cẩm Loan

Đặng Văn Lành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.097.777.758	28.035.227.577
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.736.973.190	10.646.528.887
- Các khoản dự phòng	03		884.822.397	5.014.996.836
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(264.295.227)	(277.714.339)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(169.376.976)	(9.755.000.371)
- Chi phí đi vay	06		26.959.275.856	16.963.799.626
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.245.176.998	50.627.838.216
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		116.978.755.158	(65.030.553.306)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.416.101.538	40.393.342.536
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.296.968.706)	(10.856.681.584)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.034.740.346)	(3.055.436.289)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(27.763.898.792)	(22.667.889.399)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.906.904.673)	(1.077.582.917)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(971.973.754)	(1.091.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		127.665.547.423	(12.758.912.743)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.238.593.076)	(359.790.081)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		83.703.704	109.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.929.370.496)	(17.098.780.786)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.505.778.615	56.711.262.630
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.594.138.506	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.767.614.701	5.244.252.715

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ hợp nhất GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(15.216.728.046)	44.606.489.932
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.248.217.943.186	2.440.823.336.811
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.360.239.132.197)	(2.479.586.936.219)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(112.021.189.011)	(38.763.599.408)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		427.630.366	(6.916.022.219)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	5.1	27.742.848.859	43.778.175.565
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		2.577.092	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> (70 = 50+60+61)	70	5.1	28.173.056.317	36.862.153.346

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Huỳnh Kim Oanh

Trần Thị Cẩm Loan

Đặng Văn Lành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang là một Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700523208 lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/8/2025 do Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 27/08/2025 là 364.738.330.000 VND (Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm ba mươi tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: KIEN GIANG TRADING JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: KTC

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch: KTC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2026 là 583 người (tại ngày 01/01/2026 là 597 người).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chủ yếu gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ
- Khai thác lâm sản khác
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ; thủy sản nước ngọt
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến và đóng hộp thủy sản; chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác
- Xay sát
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh gạo; chế biến và đóng hộp thủy sản.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn
A. Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang	Số 26 Lê Lợi, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	97,91%	97,91%
B. Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	Khu cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất, xuất khẩu thủy sản đóng hộp	38,08%	38,08%
2	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang	Số 5990601-603 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh sách và văn phòng phẩm	20,00%	20,00%
3	Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Số 30 Phạm Hồng Thái, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu	49,00%	49,00%

Đơn vị trực thuộc:

Stt	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang	Số 499C Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng
2	Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng	Tổ 2, ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm
3	Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Tân Hiệp	Tổ 8, ấp Tân Thạnh, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm
4	Chi nhánh kinh doanh xăng dầu Phú Quốc	Tổ 2, khu phố 1, Phan Đình Phùng, Đặc Khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu và khí hóa lỏng
5	Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC	Khu cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, tỉnh An Giang, Việt Nam	Đóng hộp các mặt hàng lương thực, thực phẩm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Ngày 20/4/2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC và Thông tư số 43/2026/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang và Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kiên Giang.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác (Tiếp theo)***

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên doanh, liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính giữa niên độ của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ; phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán mà không phải đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp). Khoản phải thu này bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia bằng tiền, các khoản đã chỉ hộ bên thứ ba, các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chỉ hộ cho bên giao ủy thác, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	15 - 20
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 28 năm đến 40 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)*****Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được xác nhận khi Công ty Cổ phần hóa theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 21/07/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	2.941.959.776	1.040.952.251
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	25.231.096.541	26.701.896.608
Cộng	28.173.056.317	27.742.848.859
	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú quốc	8.738.676.510	1.576.184.491
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.181.975.966	9.814.213.193
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.121.879.657	2.379.383.355
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	3.960.194.655	531.051.314
Các ngân hàng TMCP Khác	8.228.369.753	12.401.064.255
Cộng	25.231.096.541	26.701.896.608

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	17.929.370.496	17.929.370.496	-	17.505.778.615
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi (iii)	75.452.055	75.452.055	-	-
Cộng	33.004.822.551	33.004.822.551	17.505.778.615	17.505.778.615

- (i) Khoản đầu tư ngắn hạn theo hợp đồng số 47/2026/679505/HĐTD ngày 08/5/2026, lãi suất 3,4%/năm có kỳ hạn không quá 6 tháng
- (ii) Khoản đầu tư ngắn hạn theo hợp đồng số 12/2026/PLHĐTD ngày 18/02/2026, lãi suất 6%/năm có kỳ hạn không quá 6 tháng và tiền lãi cho vay được phải trả cho bên thứ ba.
- (iii) Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tính từ ngày gửi đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Nam Việt Gạo	-	-	32.760.000.000	-
Kingfields Rice Solutions Inc	-	-	47.314.108.800	-
I Schroeder KG (GmbHCo)	16.025.627.816	-	26.896.560.995	-
Các đối tượng khác	139.011.756.713	(13.153.295.344)	128.135.352.528	(12.122.892.462)
Cộng	155.037.384.529	(13.153.295.344)	235.106.022.323	(12.122.892.462)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Heineken Việt Nam	8.185.372.491	-	24.618.587.993	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Võ Ngọc Trân	5.760.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất - Xây dựng Đồng Mê Kông	3.869.283.565	-	3.869.283.565	-
Các đối tượng khác	17.305.745.602	(3.178.750.000)	33.192.102.441	(2.650.000.000)
Cộng	35.120.401.658	(3.178.750.000)	61.679.973.999	(2.650.000.000)

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

216.928.352



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) Trình bày lại	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	3.878.015.000	-
Ký cược, ký quỹ (i)	12.345.696.000	-	12.726.663.000	-
Phải thu khác	8.325.027.206	(4.591.436.408)	7.676.857.159	(3.390.966.835)
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	3.054.777.848	(3.054.777.848)	3.054.777.848	(1.850.708.275)
Phải thu khác còn lại	5.270.249.358	(1.536.658.560)	4.622.079.311	(1.540.258.560)
Cộng	20.670.723.206	(4.591.436.408)	24.281.535.159	(3.390.966.835)

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

- (i) Khoản ký quỹ ký cược tại Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Heineken Việt Nam cho Hợp đồng phân phối số 2336/25/HVBB ngày 01/01/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu

		30/06/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc		Dự phòng (-)		Giá trị có thể thu hồi		Thời gian quá hạn	
		Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		13.209.295.344	(13.153.295.344)	56.000.000		12.186.522.926	(12.122.892.462)	63.630.464	
Công ty TNHH Thanh Bình	> 3 năm	11.337.169.680	(11.337.169.680)	-	> 3 năm	11.337.169.680	(11.337.169.680)	-	> 3 năm
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	1.872.125.664	(1.816.125.664)	56.000.000	> 3 năm	849.353.246	(785.722.782)	63.630.464	> 3 năm
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.412.500.000	(3.178.750.000)	1.233.750.000		2.650.000.000	(2.650.000.000)	-	
Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi	> 3 năm	2.650.000.000	(2.650.000.000)	-	> 3 năm	2.650.000.000	(2.650.000.000)	-	> 3 năm
Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Song Nhi	< 1 năm	1.762.500.000	(528.750.000)	1.233.750.000		-	-	-	
3. Phải thu ngắn hạn khác		4.591.436.408	(4.591.436.408)	-		4.595.036.408	(3.390.966.835)	1.204.069.573	
Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam	> 3 năm	3.054.777.848	(3.054.777.848)	-	> 3 năm	3.054.777.848	(1.850.708.275)	1.204.069.573	> 3 năm
Các đối tượng khác còn lại	> 3 năm	1.536.658.560	(1.536.658.560)	-	> 3 năm	1.540.258.560	(1.540.258.560)	-	> 3 năm
Cộng		22.213.231.752	(20.923.481.752)	1.289.750.000		19.431.559.334	(18.163.859.297)	1.267.760.037	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT - BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

Hàng mua đang đi đường
Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)
Sản phẩm
Hàng hóa
Hàng gửi đi bán

Cộng

30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
19.674.727.070	-	38.395.667.828	-
11.721.174.042	-	62.563.339.741	-
829.327.187	-	1.042.551.093	-
374.516.982.603	-	374.516.982.603	-
49.578.869.613	-	37.599.355.205	-
127.247.822.235	-	115.827.254.375	(1.874.800.058)
29.485.193.863	-	4.525.047.306	-
613.054.096.613	-	634.470.198.151	(1.874.800.058)

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu đô thị mới 67,5 ha khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc (ii)
Khu dân cư Hòa Thuận - Kinh 5

Cộng

(ii) Đây là chi phí đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị mới 67,5 ha khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc theo quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang (Nay là Đặc khu Phú Quốc tỉnh An Giang). Công ty đã có Báo cáo số 727/BC-KTC ngày 23/12/2025 của Công ty về việc thực hiện ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (“UBND tỉnh”) tỉnh Kiên Giang tại Thông báo số 1239/TB-VP ngày 24/11/2023 và Thông báo số 821/TB-VP ngày 21/8/2024 đối với Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị mới 67 Khu phố 9, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, đặc khu Phú Quốc. Dự án này đang trong giai đoạn chờ các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo ý kiến kết luận của UBND tỉnh. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư liên quan đến dự án này là 373.788.745.934 VND. Công ty đang tiếp tục trình UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền xem xét, sớm có phương án tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
29.825.321.793	29.825.321.793	18.097.140.117	18.097.140.117
5.109.144.327	5.109.144.327	2.178.783.904	2.178.783.904
34.934.466.120	34.934.466.120	20.275.924.021	20.275.924.021

Kho ngoại quan, siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên (i)

Các dự án khác còn lại

Cộng

(i) Dự án đầu tư xây dựng Khu kinh doanh bán hàng miễn thuế, kho ngoại quan, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên được chấm dứt hoạt động dự án và trả lại đất theo Thông báo số 16/TB-BQLKKT ngày 7/02/2024 về việc chấm dứt hoạt động của dự án và Quyết định số 34/QĐ-BQLKKT ngày 21/03/2024 về việc thu hồi đất dự án của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang. Hiện nay, UBND tỉnh An Giang đã thống nhất đề xuất của Sở Tài chính và các sở ban ngành về việc thực hiện tạm ứng từ Quỹ Phát triển đất An Giang để hoàn trả chi phí đã đầu tư vào dự án cho Công ty theo Thông báo số 382/TB-VP ngày 23/8/2024 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	293.143.101.448	201.886.766.048	50.692.506.067	1.347.448.055	547.069.821.618
Tăng do mua trong kỳ	-	-	875.306.919	-	875.306.919
Tăng do XDCB hoàn thành trong kỳ	215.837.536	5.078.967.145	-	-	5.294.804.681
Giảm do thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(138.327.341)	-	-	-	(138.327.341)
Số dư tại ngày 30/06/2026	293.220.611.643	206.965.733.193	51.567.812.986	1.347.448.055	553.101.695.877
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	191.113.051.654	163.098.895.037	45.740.226.186	1.139.534.292	401.091.707.169
Khấu hao trong kỳ	4.400.716.213	4.544.590.928	703.722.605	29.776.248	9.678.805.994
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	(136.963.857)	-	-	-	(136.963.857)
Số dư tại ngày 30/06/2026	195.376.804.010	167.643.485.965	46.443.948.791	1.169.310.540	410.633.549.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2026	102.030.049.794	38.787.871.011	4.952.279.881	207.913.763	145.978.114.449
Số dư tại ngày 30/06/2026	97.843.807.633	39.322.247.228	5.123.864.195	178.137.515	142.468.056.571

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 124.376.464.037 VND.
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2026 là 136.544.063.049 VND (tại ngày 01/01/2026 là 150.549.575.393 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	125.731.649.589	60.000.000	125.791.649.589
Quyết toán dự án hoàn thành	(11.728.181.676)	-	(11.728.181.676)
Tăng/Giảm do phân loại lại	30.000.000	(30.000.000)	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	114.033.467.913	30.000.000	114.063.467.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	11.452.287.280	60.000.000	11.512.287.280
Khấu hao trong kỳ	807.820.854	-	807.820.854
Tăng/Giảm do phân loại lại	30.000.000	(30.000.000)	-
Quyết toán dự án hoàn thành	(1.138.121.053)	-	(1.138.121.053)
Số dư tại ngày 30/06/2026	11.151.987.081	30.000.000	11.181.987.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại ngày 01/01/2026	114.279.362.309	-	114.279.362.309
Số dư tại ngày 30/06/2026	102.881.480.832	-	102.881.480.832

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 84.771.850.853 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2026 là 60.000.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 60.000.000 VND).

5.11 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	5.081.577.558	2.612.895.376
Công cụ, dụng cụ	653.500.721	232.293.813
Chi phí sửa chữa	789.834.761	-
Chi phí mua bảo hiểm	106.313.125	151.117.613
Chi phí tiền thuê đất, thuê tài sản	2.798.202.070	560.338.897
Chi phí sửa chữa tài sản	-	326.704.058
Chi phí chờ phân bổ khác	733.726.881	1.342.440.995
Dài hạn	16.042.732.429	17.727.020.607
Công cụ, dụng cụ	45.409.472	77.730.824
Chi phí tiền thuê đất	7.899.530.818	10.149.877.160
Chi phí sửa chữa tài sản	4.466.120.938	4.373.460.034
Chi phí chờ phân bổ khác	3.631.671.201	3.125.952.589
Cộng	21.124.309.987	20.339.915.983

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (i)	301.523.145.560	1.390.949.394.424	1.466.565.004.740	377.138.755.876
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (ii)	240.700.987.134	1.454.925.713.912	1.523.379.366.520	309.154.639.742
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (iii)	73.852.279.140	180.464.834.290	132.705.248.928	26.092.693.778
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kiên Giang	-	125.574.159.020	145.461.822.580	19.887.663.560
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ (iv)	53.692.429.000	77.589.354.040	70.913.201.929	47.016.276.889
Các đối tượng khác	17.000.000.000	18.714.487.500	21.214.487.500	19.500.000.000
Cộng	686.768.840.834	3.248.217.943.186	3.360.239.132.197	798.790.029.845

(i) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.

- Số tiền được vayHợp đồng cho vay số 01/2025/679505/HETDHHM ngày 09/5/2025, với hạn mức cho vay: 420.000.000.000 VND;
- Mục đích vayBỏ sung vốn lưu động, chiết khấu, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay12 Tháng kể từ ngày Ký Hợp đồng tín dụng hạn mức này nhưng không quá ngày 31/07/2026;
- Lãi suất vayĐược xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Hình thức đảm bảo tiền vayCác tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm thực hiện theo thỏa thuận chung và các văn bản khác;

NA
H
TY
/18
M.S
CHƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang

Số tiền được vay

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0082/2025 ngày 09/9/2025, với hạn mức cho vay: 350.000.000.000 VND;

Mục đích vay

Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gạo của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;

Thời hạn vay

06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;

Lãi suất vay

Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Hình thức đảm bảo tiền vay

Hạn mức tín dụng được cấp theo Hợp đồng này không có biện pháp bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

(iii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ

Số tiền được vay

Hợp đồng tín dụng số 1003066.26 HETD ký ngày 23/01/2026 với hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 VND;

Mục đích vay

Cho vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C nhập khẩu/mua trong nước hàng hóa, nguyên liệu, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh gạo, thực phẩm đóng hộp, xăng dầu phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty;

Thời hạn vay

12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ;

Lãi suất vay

Lãi suất thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật;

Hình thức đảm bảo tiền vay

- TSBD số 1: Cửa hàng xăng dầu số 16: Bất động sản tại thửa đất số 630+631, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Quốc lộ 61, khu phố Minh Long, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Châu Thành, tỉnh An Giang)

- TSBD số 2: Cửa hàng xăng dầu số 19, bao gồm:

Bất động sản tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 92-2017, địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang)

Bất động sản tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 92-2017, địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Tiếp theo)

Hình thức đảm bảo tiền vay
(Tiếp theo)

Bất động sản tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 92-2017, địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang)

Bất động sản tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 92-2017, địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang)

Công trình xây dựng trên đất: Cửa hàng xăng dầu tại thửa đất 2+3+4+6, tờ bản đồ số 92-2017, địa chỉ: ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Bình Sơn, tỉnh An Giang)

- TSBD số 3: Cửa hàng xăng dầu số 22: Bất động sản tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 122-2017, địa chỉ: ấp Bào Láng, xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đông Thái, tỉnh An Giang)

- TSBD số 4 (bổ sung sau): Tiền gửi/Hợp đồng tiền gửi do VIB phát hành và/hoặc bất động sản.

- TSBD số 5: Quyền đòi nợ/Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng xuất khẩu do VIB tài trợ:

Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng xuất khẩu có phương thức thanh toán là L/C và đã có L/C gốc.

Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các Hợp đồng xuất khẩu có phương thức thanh toán là D/P, T/T, L/C (chưa có L/C gốc).

(iv) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ

Số tiền được vay

Hợp đồng tín dụng số 288696.25.451.59397.TD ngày 28/03/2025; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện ngày 18/3/2026; Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 16/6/2026, với hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;

Mục đích vay

Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa gạo và chế biến thực phẩm đóng hộp của Khách hàng;

Thời hạn vay

Kể từ ngày ký văn đến hết ngày 18/9/2026;

Lãi suất vay

Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Chi tiết theo từng văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân và thỏa thuận chung, Hợp đồng cấp tín dụng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật	-	37.669.999.000
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	6.527.526.929	4.829.020.049
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	-	7.274.788.950
Công ty TNHH Thủy Sản Trọng Hòa	5.643.760.000	2.128.980.000
Các đối tượng khác	15.442.088.048	14.524.481.489
Cộng	27.613.374.977	66.427.269.488

*Trong đó: Phải trả người bán với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

- 237.654.000

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Nông lâm sản Kiên Giang	19.315.252.483	19.315.252.483
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Phát	11.668.477.800	11.668.477.800
Varnavas	2.653.166.033	7.974.124.946
Vjrr Rice Corporation	-	7.519.563.720
Rbqm Rice Mill And Enterprices Corp	4.314.098.784	7.446.339.504
Các đối tượng khác	16.705.766.398	18.017.149.940
Cộng	54.656.761.498	71.940.908.393

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	30/06/2026 VND
a) Phải nộp	2.789.359.070	11.617.112.779	8.681.962.630	5.724.509.219
Thuế giá trị gia tăng	710.079.561	882.463.963	1.592.543.524	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	-	-	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.607.037.997	7.321.671.357	5.906.904.673	3.021.804.681
Thuế thu nhập cá nhân	203.740.458	1.096.965.808	1.074.590.623	226.115.643
Thuế tài nguyên	100.000.000	4.774.200	4.774.200	100.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.311.237.451	103.149.610	2.208.087.841
b) Phải thu	3.680.057.284	2.709.241.359	1.069.681.741	2.040.497.666
Thuế giá trị gia tăng	1.206.209.834	-	-	1.206.209.834
Thuế tiêu thụ đặc biệt	652.146.927	-	-	652.146.927
Thuế thu nhập cá nhân	51.803.451	-	130.337.454	182.140.905
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.769.897.072	2.709.241.359	939.344.287	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANGSố 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	937.560.436	132.937.500
Trích trước phí xuất khẩu	4.084.557.613	4.067.998.208
Trích trước chi phí thuê đất	750.000.000	-
Các khoản phải trả khác	964.196.766	1.832.043.005
Cộng	6.736.314.815	6.032.978.713

5.17 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	34.850.175.351	31.163.857.989
Tài sản thừa chờ giải quyết	214.523.347	327.506.017
Nhận ký quỹ, ký cược	206.040.849	2.872.790.661
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.429.611.155	27.963.561.311
Công ty TNHH Thương mại Kiên An Phú	1.840.915.227	1.840.915.227
Công ty Cổ phần Du lịch Kiên Giang	1.300.324.757	1.300.324.757
Công ty TNHH MTV Phát triển Đầu tư ECB	17.929.370.496	17.505.778.615
Phải trả Cổ phần hóa	6.201.022.641	6.201.022.641
Phải trả phải nộp khác	7.157.978.034	1.115.520.071
Dài hạn	470.000.000	470.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	470.000.000	470.000.000
Cộng	35.320.175.351	31.633.857.989

*Trong đó: Phải trả khác với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

301.921.875

-

5.18 Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Trình bày lại) VND
Các khoản doanh thu chờ phân bổ	724.636.364	838.500.000
Doanh thu cho thuê tài sản	724.636.364	838.500.000
Cộng	724.636.364	838.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIẾN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	364.738.330.000	(15.488.142.890)	21.081.244.853	39.665.398.555	412.254.498	410.409.085.016
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.008.056.846	48.411.259	36.056.468.105
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(14.589.533.200)	-	(14.589.533.200)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.273.223.373	(2.273.223.373)	-	-
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Trích quỹ khen phúc lợi	-	-	-	(2.367.648.624)	-	(2.367.648.624)
Các khoản khác	-	(2.176.278.800)	(805.260.278)	99.323.186	26.127.571	(2.856.088.321)
Số dư tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại)	364.738.330.000	(17.664.421.690)	22.549.207.948	56.042.373.390	486.793.328	426.152.282.976
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	39.717.538.588	58.567.814	39.776.106.402
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	2.501.725.699	(2.501.725.699)	-	-
Trích quỹ khen phúc lợi (i)	-	-	-	(7.925.998.093)	-	(7.925.998.093)
Biến động trong vốn chủ sở hữu Của Công ty liên kết	-	-	-	(13.512.859.639)	-	(13.512.859.639)
Số dư tại ngày 30/06/2026	364.738.330.000	(17.664.421.690)	25.050.933.647	71.819.328.547	545.361.142	444.489.531.646

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết số 51/NQ-KTC-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế năm 2025, tương ứng giá trị là 2.501.725.699 VND;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng 1,15 tháng lương thực hiện năm 2025, tương ứng giá trị là 7.925.998.093 VND;
- Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức năm 2025 cho các cổ đông 4%/vốn điều lệ, tương ứng giá trị là 14.589.533.200 VND bằng tiền mặt, do đó Công ty chưa ghi nhận khoản phải trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC

ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang	178.865.780.000	178.865.780.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	91.184.590.000	91.184.590.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	50.839.130.000	50.839.130.000
Quỹ đầu tư Phát triển Kiên Giang	36.473.830.000	36.473.830.000
Vốn góp của các đối tượng khác	7.375.000.000	7.375.000.000
Cộng	364.738.330.000	364.738.330.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	364.738.330.000	364.738.330.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	364.738.330.000	364.738.330.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.473.833	36.473.833
Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.473.833	36.473.833
Cổ phiếu phổ thông	36.473.833	36.473.833
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**a. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ theo nguyên tệ**

	30/06/2026	01/01/2026
a) Tiền gửi Ngân hàng		
Tiền USD	119.131,86	131.118,65
Tương đương Tiền VND	3.132.691.391	3.447.896.021
Tiền EUR	536,76	541,44
Tương đương Tiền VND	16.187.742	16.445.341
b) Các khoản phải thu khách hàng		
Tiền USD	3.795.747,90	3.173.826,19
Tương đương Tiền VND	99.812.986.778	82.763.865.559
c) Các khoản người mua trả tiền trước		
Tiền USD	652.740,40	621.018,70
Tiền VND	17.010.642.749	16.194.304.640

b. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Từ 1 năm trở xuống	8.656.168.753	8.656.168.753
Trên 1 năm đến 5 năm	33.374.812.424	33.568.114.134
Trên 5 năm	133.491.951.920	137.626.734.587
Cộng	175.522.933.098	179.851.017.474

c. Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/06/2026 Kg	01/01/2026 Kg
Hàng tồn kho	568.767	1.741.811
Cộng	568.767	1.741.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

d. Danh mục tài sản cố định hữu hình và vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay tại ngày 30/6/2026

Loại tài sản	30/6/2026 (VND)		Giá trị còn lại	Đối tượng nhận cầm cố/thế chấp	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Tài sản cố định hữu hình	389.793.108.424	265.416.644.386	124.376.464.038			
Nhà cửa, vật kiến trúc	200.638.326.412	114.677.381.500	85.960.944.912			
	27.028.110.384	20.251.609.774	6.776.500.610	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	164.207.078.150	90.541.618.668	73.665.459.482	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	5.473.617.541	1.412.860.367	4.060.757.174	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ	(i)	(ii)
	3.929.520.337	2.471.292.691	1.458.227.646	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Cần Thơ	(i)	(ii)
Máy móc, thiết bị	185.492.661.104	148.488.940.052	37.003.721.042			
	2.110.934.018	1.948.751.298	162.182.720	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	182.807.622.106	146.079.107.868	36.728.514.238	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	244.104.980	131.080.896	113.024.084	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ	(i)	(ii)
	330.000.000	330.000.000	-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Cần Thơ		
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.662.120.908	2.250.322.824	1.411.798.084			
	3.662.120.908	2.250.322.824	1.411.798.084	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
2. Tài sản cố định vô hình	92.813.062.461	8.041.211.608	84.771.850.853			
Quyền sử dụng đất	92.813.062.461	8.041.211.608	84.771.850.853			
	48.404.833.075	1.641.608.848	46.763.224.227	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	27.999.994.208	4.432.146.341	23.567.847.867	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Kiên Giang	(i)	(ii)
	16.408.235.178	1.967.456.419	14.440.778.759	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Cần Thơ	(i)	(ii)
Tổng cộng	482.606.170.885	273.457.855.994	209.148.314.891			

Trong đó: (i) Vay bổ sung vốn lưu động, (ii) Khi tất toán khoản vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	4.081.119.935.257	2.952.085.902.265
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.556.058.086	7.436.153.788
Doanh thu khác	8.504.000	99.587.646
Cộng	4.085.684.497.343	2.959.621.643.699
Trong đó: Doanh thu là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	66.691.006	3.341.667

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Khoản chiết khấu thương mại	-	14.372.997
Khoản giảm giá hàng bán	3.078.704	43.216.302
Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại	172.691.239	1.376.668.543
Cộng	175.769.943	1.434.257.842

6.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	4.080.944.165.314	2.950.651.644.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.556.058.086	7.436.153.788
Doanh thu khác	8.504.000	99.587.646
Cộng	4.085.508.727.400	2.958.187.385.857

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
VND	VND
3.883.698.874.638	2.837.703.034.219
(1.874.800.058)	-
3.881.824.074.580	2.837.703.034.219

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

*Trong đó: Doanh thu HĐTC với các bên liên quan:
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
VND	VND
115.224.799	1.120.037.715
7.112.961	1.960.000.000
3.949.492.310	10.163.697.920
264.295.227	-
1.352.408.454	1.224.012.777
5.688.533.751	14.467.748.412
-	1.960.000.000

6.6 Chi phí tài chính

Chi phí đi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng
tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Cộng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
VND	VND
26.959.275.856	16.963.799.626
1.656.151.818	2.362.004.143
-	5.452.875.836
28.615.427.674	24.778.679.605

6.7 Thu nhập khác

Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
Tiền phạt thu được
Thu nhập từ bồi thường
Thu nhập khác

Cộng

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
VND	VND
82.340.814	109.545.454
503.611.352	-
-	13.760.989
88.269.101	152.480.360
674.221.267	275.786.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Các khoản bị phạt chậm nộp	-	1.455.539.970
Chi phí khác	91.855.022	9.000.000
Cộng	91.855.022	1.464.539.970

6.9 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Chi phí bán hàng	115.724.932.480	64.155.255.023
Chi phí nhân viên	32.558.359.801	15.762.923.690
Chi phí vật liệu, bao bì	2.580.950.074	-
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.451.097.894	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.731.889.067	2.877.714.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.636.108.469	33.713.498.366
Chi phí bằng tiền khác	11.766.527.175	11.801.118.219
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.735.601.608	23.359.601.880
Chi phí nhân viên quản lý	19.215.058.723	10.338.111.624
Chi phí đồ dùng văn phòng	599.314.026	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.911.938.413	4.968.454.008
Thuế phí và lệ phí	203.637.486	-
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	2.759.622.455	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.140.023.024	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.906.007.481	8.053.036.248
Cộng	150.460.534.088	87.514.856.903

6.10 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	4.895.075.156	5.495.388.564
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang	408.080.955	157.697.770
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	10.915.030.593	912.330.868
Cộng	16.218.186.704	6.565.417.202

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.985.130.219	416.705.061.583
Chi phí nhân công	67.766.083.302	47.257.914.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.736.973.190	10.646.528.887
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	2.759.622.455	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.336.545.017	43.710.479.789
Chi phí khác bằng tiền	17.346.211.801	20.694.197.911
Cộng	614.930.565.984	539.014.182.963

6.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.321.671.357	4.264.767.788

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	39.717.538.588	23.729.307.652
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	3.962.999.047
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.962.999.047
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	39.717.538.588	19.766.308.606
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	36.473.833	36.473.833
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.089	542

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025:**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 09/6/2026 của Công ty, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi 7.925.998.093 VND, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ ½ số trích trên được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	23.729.307.652	23.729.307.652	-
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	3.962.999.047	3.962.999.047
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.962.999.047	3.962.999.047
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	23.729.307.652	19.766.308.606	(3.962.999.047)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	36.473.833	36.473.833	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	651	542	(109)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan****a) Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư Phát triển Kiên Giang	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đóng hộp Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác**b1) Thu nhập của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	Lương và các lợi ích khác	558.962.175	474.355.450
Ông Võ Văn Tân	Nguyên Chủ tịch	Các lợi ích khác	-	32.608.696
		Thù lao	-	46.200.000
Ông Đặng Hồng Toàn	Phó Chủ tịch	Thù lao	21.000.000	16.800.000
		Các lợi ích khác	10.000.000	-
Ông Nguyễn Duy An	Thành viên	Thù lao	15.000.000	45.000.000
Ông Võ Thái Sơn	Nguyên Thành viên	Các lợi ích khác	10.000.000	32.608.696
		Thù lao	-	45.000.000
Bà Võ Thị Hương Giang	Thành viên	Thù lao	15.000.000	45.000.000
Ông Phùng Phương Quang	Thành viên	Các lợi ích khác	10.000.000	32.608.696
		Thù lao	15.000.000	45.000.000
Ông Trinh Quốc Việt	Thành viên	Các lợi ích khác	10.000.000	32.608.696
		Thù lao	15.000.000	45.000.000
Ông Đặng Văn Lành	Thành viên	Thù lao	15.000.000	12.000.000
Ông Phạm Ngọc Tấn	Thành viên	Thù lao	15.000.000	-
		Các lợi ích khác	10.000.000	-
Ông Phạm Văn Hoàng	Nguyên thành viên	Thù lao	-	33.000.000
Cộng			719.962.175	937.790.234

b2) Thu nhập của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Bà Nguyễn Thị Bạch Dương	Trưởng ban	Lương và các lợi ích khác	419.471.632	363.918.761
Ông Trần Công Tâm	Thành viên	Các lợi ích khác	5.000.000	21.739.130
		Thù lao	9.000.000	27.000.000
Bà Lý Thu Diễm	Nguyên thành viên	Các lợi ích khác	5.000.000	21.739.130
		Thù lao	-	27.000.000
Ông Trần Hữu Nghị	Thành viên	Các lợi ích khác	5.000.000	21.739.130
		Thù lao	9.000.000	27.000.000
Ông Võ Chí Công	Thành viên	Lương và các lợi ích khác	252.082.979	220.525.168
		Thù lao	9.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên	Thù lao	9.000.000	-
		Các lợi ích khác	5.000.000	-
Cộng			727.554.611	757.661.319

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác (Tiếp theo)

b3) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Ông Đặng Văn Lành	Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	475.267.849	383.118.761
Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	419.471.632	363.918.761
Bà Võ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	419.471.632	363.918.761
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	419.471.632	363.918.761
Ông Phạm Văn Hoàng	Nguyên Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	-	244.893.436
Bà Lê Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc	Lương và các lợi ích khác	80.200.000	-
Cộng			1.813.882.745	1.719.768.480

b.4) Thu nhập của người quản lý

Họ và tên	Chức danh	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Bà Lê Thị Thùy	Nguyên Kế toán trưởng	Lương và các lợi ích khác	305.344.459	330.787.754
Bà Trần Thị Cẩm Loan	Kế toán trưởng	Lương và các lợi ích khác	132.963.118	-
Ông Ngô Thanh Bình	Thư ký HĐQT	Lương và các lợi ích khác	252.082.979	220.525.168
		Thù lao	9.000.000	24.000.000
Ông Dương Tuấn Vũ	Người phụ trách quản trị	Lương và các lợi ích khác	168.388.653	132.524.026
Cộng			867.779.209	707.836.948

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT - BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	Mua hàng	-	9.489.914.056
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Mua hàng	-	2.318.463
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Mua hàng	-	5.336.210.706
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang	Mua hàng	-	4.123.904.085
Công ty Cổ phần Sài Gòn Phú Quốc	Mua hàng	-	25.814.139
Bán hàng			
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Bán hàng	66.691.006	3.341.667
Doanh thu hoạt động tài chính			
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Cổ tức được chia	66.691.006	3.341.667
		-	1.960.000.000
		-	1.960.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN
Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Số dư chủ yếu với các bên liên quan

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Bên liên quan		
Trả trước cho người bán ngắn hạn	216.928.352	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	216.928.352	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.878.015.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đóng hộp Kiên Giang	-	3.878.015.000
Phải trả người bán ngắn hạn	-	237.654.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	-	237.654.000
Phải trả khác	301.921.875	-
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	301.921.875	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận**a. Báo cáo bộ phận chủ yếu****Kết quả kinh doanh bộ phận hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026**Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu Thụ Nội địa	Cộng
Doanh thu			
Doanh thu thuần	1.159.059.855.759	2.926.448.871.641	4.085.508.727.400
Giá vốn	(1.083.922.769.704)	(2.797.901.304.876)	(3.881.824.074.580)
Lợi nhuận gộp	75.137.086.055	128.547.566.765	203.684.652.820
Kết quả hoạt động			
Kết quả bộ phận	75.137.086.055	128.547.566.765	203.684.652.820
Doanh thu hoạt động tài chính			21.906.720.455
Chi phí tài chính			(28.615.427.674)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng			(150.460.534.088)
Lợi nhuận khác			582.366.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(7.321.671.357)
Lợi nhuận trong kỳ			39.776.106.401

Kết quả kinh doanh bộ phận hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu Thụ Nội địa	Cộng
Doanh thu			
Doanh thu	947.373.118.048	2.010.814.267.809	2.958.187.385.857
Giá vốn	(907.059.635.180)	(1.930.643.399.039)	(2.837.703.034.219)
Lợi nhuận gộp	40.313.482.868	80.170.868.770	120.484.351.638
Kết quả hoạt động			
Kết quả bộ phận	40.313.482.868	80.170.868.770	120.484.351.638
Doanh thu hoạt động tài chính			21.033.165.614
Chi phí tài chính			(24.778.679.605)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng			(87.514.856.903)
Lợi nhuận khác			(1.188.753.167)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(4.264.767.788)
Lợi nhuận trong kỳ			23.770.459.789

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Số 190 đường Trần Phú, phường Rạch Giá,
tỉnh An Giang, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC

ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận chủ yếu (Tiếp theo)**

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu Thụ Nội địa	Cộng
Tài sản của bộ phận	116.917.327.544	59.875.672.863	176.793.000.407
Tài sản không thể phân bổ	-	-	1.125.798.486.901
Tổng tài sản			1.302.591.487.308
Nợ phải trả của bộ phận			-
Nợ phải trả không thể phân bổ			858.101.955.662
Tổng nợ phải trả			858.101.955.662

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2026

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu Thụ Nội địa	Cộng
Tài sản của bộ phận	156.974.535.354	78.131.486.969	235.106.022.323
Tài sản không thể phân bổ	-	-	1.197.887.575.242
Tổng tài sản	156.974.535.354	78.131.486.969	1.432.993.597.565
Nợ phải trả của bộ phận			-
Nợ phải trả không thể phân bổ			1.006.841.314.589
Tổng nợ phải trả			1.006.841.314.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày lại một số thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính Hợp nhất để đảm bảo số liệu năm nay phù hợp và có thể so sánh được với số liệu năm trước:

TÀI SẢN	MS	Số đã Báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
1. Phải thu ngắn hạn khác	135	24.209.881.971	24.281.535.159	(71.653.188)
2. Phải trả ngắn hạn khác	320	31.562.204.801	31.163.857.989	398.346.812
3. Phải trả dài hạn khác	338	-	470.000.000	(470.000.000)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu và khoản mục trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do sai sót liên quan đến việc ghi nhận thu nhập khác từ việc thuê máy móc thiết bị nguyên do bên đi thuê thanh lý hợp trước thời hạn, nhằm mục đích phản ánh và trình bày hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm trước, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	MS	Số đã Báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	2.778.159.070	2.789.359.070	11.200.000
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	894.500.000	838.500.000	(56.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân pl	420	55.998.509.978	56.042.373.390	43.863.412
3.1. LNST chưa phân phối kỳ này	420b	35.964.193.434	36.008.056.846	43.863.412
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	485.856.740	486.793.328	936.588

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Huỳnh Kim Oanh

Trần Thị Cẩm Loan

Đặng Văn Lành